TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-PT
Ngày 25-10-2019
V/v "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Tiên.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Phượng;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hà Thị Cẩm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:* Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2019/TLPT–HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc "Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án hôn nhân gia đình số sơ thẩm số 09/2018/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 40/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố H, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Võ Thị Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tây Ninh. - Có mặt

3. Người kháng cáo: Chị Võ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Anh và chị Đ chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ giữa năm 2015. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc nhưng

sau đó phát sinh mâu thuẫn đến tháng 03-2017 anh và chị Đ không sống chung với nhau nữa. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về tài sản: Chị Đ có 01 căn nhà bằng tole, không có tài sản gì khác. Anh là người chi tiền để xây dựng và mua các vật dụng trong gia đình.

- 01 nhà mát bằng khung sắt, lợp tole, nền lát gạch hoa;

- Loa + dây loa, Ampli, 02 cái Miccro Midiicore, Micro Nondadi N;

- 01 tivi Led hiệu Samsung UA 32K530 (018C3NBHA 001190), 01 tấm lót tivi;

- 01 tivi Led hiệu Panasonich Th-50AS620V;

- Tủ thờ, khánh thờ;

- 05 bàn Inox;

- 01 máy lạnh ML hiệu Electrolex 09CRE;

- 01 máy nước nóng hiệu Panasonich;

- 01 hồ cá lót gạch hoa, 01 mái hiên che hồ cá;

- 01 xe tay ga hiệu Spacy biển số 70G1-255.44;

- 01 bộ cửa sắt lớn;

- 01 máy phát điện;

- 01 Nồi cơm điện;

- 03 quạt treo tường;

- Máy nén, ống dây, mô tơ;

- Ấm siêu tốc, bình thủy điện;

- 01 xe đạp điện;

- 02 bộ khóa, 01 bình hơi, 01 van Inox; 01 cần cưa, 30 ống mũ, 02 ổ khóa;

- 01 máy chít giá 580.000 đồng, 01 bình 12V;

- Móc chịu lực lớn 20x 40; Móc uốn 20 cái, Xích.

Anh có làm mất 01 chiếc xe mô tô hiệu Mio của chị Đ, anh đồng ý trả cho chị Đ 4.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 18-01-2018 anh thay đổi yêu cầu khởi kiện. Anh yêu cầu chị Đ trả lại cho anh trị giá bằng tiền những tài sản sản sau và đồng ý nhận theo giá mà Hội đồng định giá đã định: 01 nhà mát bằng khung sắt, lợp tole, nền lát gạch hoa vĩa hè trị giá 29.273.000 đồng.

- Loa, Ampli, 02 cái Miccro Midiicore; Micro Nondadi N; dây loa giá. Tổng cộng 8.186.000 đồng.

- 01 tivi Led hiệu Samsung UA 32K530 (018C3NBHA 00119), trị giá 6.000.000 đồng.

- Tủ thờ, khánh thờ trị giá 20.428.000 đồng.

- 01 máy nước nóng hiệu Panasonich trị giá 1.216.000 đồng.

- 01 máy phát điện giá 4.200.000 đồng

Tổng cộng: 69.203.000 đồng. Đối những tài sản còn lại anh xin rút yêu cầu, không yêu cầu chị Đ trả lại cho anh.

Ngoài ra chị Đ còn phải trả lại cho anh chiếc xe hiệu Honda Spacy mang biển số 70G1-255.44 do anh đứng tên, hiện chị Đ đang sử dụng.

Anh đồng ý trả cho chị Đ trị giá chiếc xe hiệu MioUltimo Yamaha mang biển số 70P2-6118 mà anh làm mất theo giá Hội đồng định giá đã định là 2.750.000 đồng**.**

Chị Đ yêu cầu anh bồi thường tiền danh dự và tiền bồi thường về thể xác là 120.000.000 đồng, anh không đồng ý vì chị Đ chung sống với anh là tự nguyện. Nợ chung: Chị Đ trình bày chị vay 50.000.000 đồng để trị bệnh cho anh nhưng khi anh bị bệnh gia đình anh có sẵn tiền cho anh trị bệnh, không phải mượn tiền của ai nên anh không đồng ý trả cho chị Đ. Do đó, anh không đồng ý với yêu cầu phản tố của chị Đ

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị Đ trình bày:

Chị và anh P chung sống như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ tháng 10 năm 2015. Thời gian chung sống chị và anh P thường xuyên mâu thuẫn do anh P đi làm nhưng không về nhà, không chăm lo cho chị. Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh P là vợ chồng

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh P không có tài sản chung.

Khi anh P về chung sống với chị, chị có giao cho anh P 30.000.000 đồng để làm hàng rào quán; ti vi và máy phát điện trong nhà là do chị giao tiền cho anh P mua.

Trong thời gian anh P và chị chung sống, chị có 01 chiếc xe Mio Ultimo nhưng anh P đã làm mất. Anh P bị bệnh nên chị có vay của anh Võ Thành Đãnh 30.000.000 đồng và vay của mẹ chị 20.000.000 đồng để chữa bệnh cho anh P.

Ngày 03-5-2017 chị có làm đơn phản tố yêu cầu anh P trả cho chị 50.000.000 đồng tiền chị vay người thân để trị bệnh cho anh P và yêu cầu anh P

phải trả cho chị 01 chiếc xe Mioultimo hiệu Yamaha trị giá 12.000.000 đồng, bồi thường cho chị 120.000.000 đồng do tổn thất tinh thần, thể xác và danh dự.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2018/HNGĐ-ST ngày 20-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

- Không công nhận anh Nguyễn Văn P, chị Võ Thị Đ là vợ chồng.

- Về con chung: không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản:

Buộc chị Võ Thị Đ có trách nhiệm giao lại cho anh Nguyễn Văn P 69.203.000 đồng và 01 chiếc xe hiệu Honda Spacy mang biển số 70G1-253.44, số máy: 0032475, số khung: 5032475, hiện chị Đ đang sử dụng.

Ghi nhận anh Nguyễn Văn P không yêu cầu chị Võ Thị Đ trả lại những tại sản khác.

Ghi nhận anh Nguyễn Văn P đồng ý trả lại cho chị Đ 2.750.000 đồng trị giá xe xe hiệu Mio Ultimo Yamaha mang biển số 70P2-6118.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố ngày 03-5-2017 của chị Võ Thị Đ đối với anh Nguyễn Văn P.

Về phần nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo.

*** Nội dung kháng cáo:** Theo đơn kháng cáo đề ngày 12-8-2018, chị Võ Thị Đ cho rằng tất cả các tài sản anh P trình bày đều là tài sản của chị. Do đó không đồng ý giao cho anh P 69.203.000 đồng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Đ trình bày: Căn nhà sắt bán cà phê chị tạo lập từ trước khi sống chung anh P. Sau khi anh P về nhà chị sống, chị có giao cho anh P 30.000.000 đồng để sửa lại. Trong thời gian giải quyết ly hôn, do nhà hư hỏng nên chị tháo dở và hiện nay chị đã cất lại. Đối với tủ thờ và khánh thờ là do anh P đi mua nhưng từ tiền của chị. Còn máy phát điện và máy nước nóng chị không biết vì anh P không mang về nhà chị.

Anh P trình bày: Khi Tòa án nhân dân huyện C đến nhà chị Đ để định giá, chị Đ không cho vô nhà. Sau ngày đó, chị Đ đã dở nhà sắt và mang tất cả các tài sản anh tranh chấp đi nơi khác, trong nhà chỉ còn tủ thờ và khánh thờ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:* Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng qui định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo luật Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự.

- *Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng:* Đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội qui phiên tòa.

- *Về nội dung:* Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Thị Đ. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đ thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, lời trình bày của chị Đ và anh P có cơ sở xác định anh chị bắt đầu sống chung từ tháng 11/2015. Do anh chị không có đăng ký kết hôn, nên việc chia tài sản của anh chị sẽ giải quyết trên cơ sở thỏa thuận, nếu anh chị không thỏa thuận được thì áp dụng Điều của 16 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Căn cứ vào Phiếu đặt hàng tại Trung tâm điện máy Thành Đạt, thì Loa, Ampli, 02 cái Miccro Midiicore, Micro Nondadi N, dây loa anh P đặt mua hàng vào ngày 14/02/2015; máy nước nóng hiệu Panasonic hóa đơn đề ngày 29/8/2014; máy phát điện mua năm 2015 nhưng không thể hiện ngày tháng. Chị Đ không thừa nhận có các tài sản này. Anh P chỉ xuất trình các chứng từ mua hàng nhưng thời điểm mua hàng trước khi sống cùng chị Đ. Mặt khác, anh P cũng không chứng minh được anh mang tài sản này về nhà chị Đ để sử dụng. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào các chứng từ mua hàng để xác định chị Đ đang quản lý sử dụng tài sản này của anh P, buộc chị Đ phải thanh toán giá trị tài sản cho anh P là không có cơ sở, đánh giá chứng cứ chưa phù hợp.

Quá trình thu thập chứng cứ, chị Đ thừa nhận giao cho anh P 30.000.000 đồng để cất, sữa nhà sắt bán quán cà phê; mua khánh thờ và tủ thờ. Chị Đ cũng thừa nhận gia đình chị có ti vi Led hiệu Samsung nhưng có từ trước. Tuy nhiên anh P xuất trình được hóa đơn mua ti vi này vào ngày 22/10/2016, thời điểm này anh chị đang sống chung. Như vậy có cơ sở xác định những tài sản này là tài sản chung do anh chị cùng nhau tạo lập trong thời gian chung sống. Chị Đ cho rằng, chi phí để tạo lập những tài sản này là của chị; anh P cũng cho rằng những tài sản này có được từ tiền của anh nhưng các đương sự không xuất trình được chứng cứ để chứng minh nguồn gốc tài sản là của riêng anh, chị. Tại phiên

tòa phúc thẩm, cả hai đều xác nhận, anh P có thu nhập từ việc sửa xe ô tô, chị Đ có thu nhập từ việc bán quán cà phê. Như vậy, tài sản anh chị tạo trong thời gian chung sống không có cơ sở xác định là tài sản riêng của mỗi người thì đó là tài sản chung và công sức là ngang nhau. Vì vậy chia đôi theo quy định của pháp luật. Các tài sản này chị Đ đang sử dụng thì giao chị tiếp tục sử dụng nhưng phải thanh toán ½ giá trị tài sản cho anh P theo giá Hội đồng định giá đã định vào ngày 27/9/2017.

Vì các lẽ trên, kháng cáo của chị Đ được chấp nhận 01 phần. Sữa bản án sơ thẩm

[2] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Anh P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí phần tài sản anh yêu cầu nhưng không được chấp nhận; anh P và chị Đ phải chịu tiền án phí đối với phần giá trị được chia.

Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đ không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo của chị được chấp nhận.

[3] Chi phí tố tụng: anh P và chị Đ mỗi người phải chịu 1.950.000 đồng. Anh P đã nộp 3.900.000 đồng. Chị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh P 1.950.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Võ Thị Đ. Sửa bản án sơ thẩm số 09/2018/HNGĐ-ST ngày 22-01-2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không công nhận anh Nguyễn Văn P, chị Võ Thị Đ là vợ chồng.

Về con chung: không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Về tài sản:

- Chị Đ được quyền sở hữu căn nhà sắt, tử thờ, khánh thờ, 01 tivi Led hiệu Samsung UA 32K530 (018C3NBHA 00119) chị đang quản lý.

- Chị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh P 27.850.500 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn P về việc yêu cầu chị Võ Thị Đ trả lại Loa, Ampli, 02 cái Miccro Midiicore; Micro Nondadi N; dây loa; 01 máy nước nóng hiệu Panasonic; 01 máy phát điện.

- Chị Võ Thị Đ có nghĩa vụ trả cho anh P 01 xe Honda Spacy biển số 70G1-253.44, Số máy: 0032475, số khung: 5032475, giấy đăng ký xe tên Huỳnh Thị Phỉ.

- Anh Nguyễn Văn P có nghĩa vụ trả cho chị Đ 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) trị giá xe hiệu MioUltimo Yamaha biển số 70P2-6118.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của chị Võ Thị Đ về việc yêu cầu anh P trả lại cho chị Đ 50.000.000 đồng và bồi thường 120.000.000 đồng do tổn thất tinh thần, thể xác, danh dự của chị Võ Thị Đ

4. Về phần nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

5. Án phí sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn P phải chịu 2.367.500 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh P đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0017649 ngày 04-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho anh Nguyễn Văn P 2.632.500 đồng (Hai triệu sáu ăba mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Chị Võ Thị Đ phải chịu 1.392.500 đồng (Một triệu ba trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Sung quỹ nhà nước 1.550.000 đồng (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp theo biên lai thu số 0017769 ngày 04-5-2017.

6. Án phí phúc thẩm:

Hoàn trả cho chị Võ Thị Đ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006131 ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh

7. Về chi phí tố tụng: Anh P và chị Đ mỗi người chịu 1.950.000 đồng. Ghi nhận anh P đã nộp xong. Chị Đ có nghĩa vụ thanh toán lại cho anh P 1.950.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị An Tiên

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- TAND H.;
- Chi cục H;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Thúy Phượng	**Phạm Thị Hồng Vân**	**Nguyễn Thị An Tiên**